

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2025

“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Triết Minh và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị M**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Ngô Văn T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

(Bà M ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:**

Bà và ông Ngô Văn T tự tìm hiểu quen nhau và chung sống từ năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống bà và ông T sống tại xã B, huyện T, tỉnh An Giang và có 03 con chung tên là Ngô Văn P, sinh ngày 12/01/1994, Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/12/1998 và Ngô Quốc K1, sinh ngày 11/9/2005; hiện 03 con chung đã thành

niên và có khả năng lao động được. Nay cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Nay bà xin được ly hôn với ông T.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Văn T1 trình bày:***

Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà M về quá trình chung sống, ông và bà M chung sống với nhau từ 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có 03 con chung như bà M trình bày; hiện 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được. Nay nhận thấy hôn nhân giữa ông và bà M còn hạnh phúc, nhưng do bà M yêu cầu ly hôn thì ông cũng thống nhất ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại ấp B, xã B (nay là xã T), tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10) - An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà M, ông T1 chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc, nay bà M yêu cầu ly hôn với ông T1, ông T1 đồng ý ly hôn với bà M. Xét thấy, bà M, ông T1 có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông T1.

[2.2] Về con chung: Bà M, ông T1 có 03 con chung tên là Ngô Văn P, sinh ngày 12/01/1994, Ngô Tuấn K, sinh ngày 22/12/1998 và Ngô Quốc K1, sinh ngày 11/9/2005; hiện 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động được; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà M, ông T1 xác định không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà M1 chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị M và ông Ngô Văn T.

2. *Về án phí:* Bà Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021273 ngày 29-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10) - An Giang; bà M đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Bà M, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi